TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 241/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Số A đường Đ, Tổ D, Khu phố D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ ông Võ Văn T, Tổ A, ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn H1, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Số A đường Đ, Tổ D, Khu phố D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – chị Võ Thị Ngọc H trình bày: Chị H và anh H1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Đ, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2003, quyển số 01 ngày 31/7/2003. Quá trình chung sống, chị H và anh H1 có 02 người con chung tên Trương Võ Hồng T1, sinh ngày 31/3/2004 và Trương Thảo N, sinh ngày 10/6/2014. Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 sống hạnh phúc, nhưng sau này

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 không còn yêu thương vợ con, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình; vợ chồng đã sống ly thân từ lâu.

Nay, chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H1; về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi cháu Trương Thảo N và không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Trương Võ Hồng T1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Trương Văn H1 đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia hòa giải, tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản giải trình về vụ kiện cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị H và anh H1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H; về con chung, do anh H1 không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến về việc nuôi con; cháu N hiện đang còn nhỏ nên đề nghị giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu tranh chấp, nên không đề nghị giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Văn H1 hiện đang cư trú tại: Số A đường Đ, Tổ D, Khu phố D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một. Anh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Võ Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị H và anh H1 chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Đ, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm

sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và hai bên đã sống ly thân nhau từ lâu.

[3] Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1 là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 người con chung tên Trương Võ Hồng T1, sinh ngày 31/3/2004 và Trương Thảo N, sinh ngày 10/6/2014; chị H khởi kiện yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N và không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con; đối với con chung tên Trương Võ Hồng T1 đã trên 18 tuổi có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh H1 không đến Tòa án làm việc, không có kiến về việc nuôi con. Xét thấy, cháu N hiện nay đang còn nhỏ và là nữ nên việc chăm sóc, giáo dục của người mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển bình thường của cháu N, nên cần giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H và giao cháu N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H đối với bị đơn anh Trương Văn H1 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con";

Chị Võ Thị Ngọc H được ly hôn anh Trương Văn H1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2003, quyển số 01 ngày 31/7/2003 do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Đ, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho chị Võ Thị Ngọc H và anh Trương Văn H1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thảo N, sinh ngày 10/6/2014 cho chị Võ Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Trương Văn H1 không phải cấp dưỡng con.

Anh Trương Văn H1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh H1 thực hiện quyền này; trường hợp, anh H1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H1.

Sau này, vì lợi ích hợp pháp của cháu Trương Thảo N, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0003120 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường